

Bản án số: 50/2024/DS-ST

Ngày: 25-6-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Văn Cơ;

Bà Trần Thị Tuyết Ngọc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Trương Hoàng T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

***- Bị đơn:*** Bà Trần Hồng T1.

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Trương Hoàng T trình bày:***

Vào ngày 07/5/2023, ông T có cho bà T1 mượn số tiền 120.000.000 đồng, bà T1 trình bày mượn để trị bệnh cho mẹ bà T1, thỏa thuận 02 tháng sau sẽ trả lại, mượn không có lãi, nhưng đến hạn trả thì bà T1 chỉ trả được 20.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng thì bà T1 chưa trả. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1 trả cho ông T số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Đối với bị đơn bà Trần Hồng T1:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt, không thể hiện ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

- ***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên phát biểu quan điểm:***

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm về giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hoàng T đối với bị đơn bà Trần Hồng T1. Buộc bị đơn bà Trần Hồng T1 có nghĩa vụ trả cho ông Trương Hoàng T số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng. Đề nghị tuyên án phí, lãi suất chậm thanh toán ở giai đoạn thi hành án theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Xét thấy nguyên đơn là ông Trương Hoàng T và bị đơn bà Trần Hồng T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà T1 vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là ông Trương Hoàng T và bị đơn bà Trần Hồng T1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hoàng T: Ông Trương Hoàng T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1 có trách nhiệm trả cho ông T số tiền nợ gốc là 100.000.000.000 đồng. Chứng cứ ông T đưa ra là tờ “Biên nhận mượn tiền” đề ngày 07/5/2023, có chữ ký bà Trần Hồng T1 ký dưới mục “Người mượn tiền”, mượn số tiền 120.000.000 đồng (bút lục số 10). Bị đơn bà Trần Hồng T1 đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời trình bày của ông T và chứng cứ ông T đưa ra là có căn cứ và ông T không phải chứng minh.

[3] Bà T1 vay tiền của ông T số tiền 120.000.000 đồng từ ngày 07/5/2023, thỏa thuận trả đủ số tiền sau 02 tháng. Tuy nhiên từ khi vay đến ngày xét xử sơ thẩm đã trên 12 tháng nhưng bà T1 chỉ trả được 20.000.000 đồng, còn lại 100.000.000

đồng vẫn chưa trả cho ông T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận ban đầu nên căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà T1 trả có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng.

[4] Về tiền lãi: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn bà T1 có nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.000.000 đồng (tương ứng với 5% phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn ông T không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hoàng T đối với bị đơn bà Trần Hồng T1.

1. Buộc bà Trần Hồng T1 có nghĩa vụ trả cho ông Trương Hoàng T số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Trần Hồng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn ông Trương Hoàng T không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004623 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mến**